

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6/NQ-CP

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại,
hiệu quả, bền vững và hội nhập nhằm phục hồi nhanh kinh tế - xã hội**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 39/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và ý kiến thống nhất của các Thành viên Chính phủ,

QUYẾT NGHỊ:

Sau hơn 35 năm đổi mới đất nước, thị trường lao động Việt Nam đã có bước phát triển cả về quy mô và chất lượng, từng bước hiện đại, bền vững và hội nhập quốc tế. Hệ thống thể chế, chính sách thị trường lao động được hoàn thiện; quan hệ cung - cầu lao động gia tăng; chất lượng việc làm ngày càng cải thiện; từng bước chính thức hóa việc làm phi chính thức; cơ cấu lao động có bước chuyển dịch tích cực theo hướng giảm tỷ trọng lao động khu vực nông nghiệp, tăng tỷ trọng lao động khu vực công nghiệp và dịch vụ; giảm nhanh tỷ trọng việc làm dễ bị tổn thương, tăng tỷ lệ việc làm được bảo vệ; lao động Việt Nam từng bước đảm nhiệm được những công việc phức tạp mà trước đây phải cần tới chuyên gia nước ngoài; tiền lương và thu nhập của người lao động được cải thiện rõ rệt; năng suất lao động và năng lực cạnh tranh của lực lượng lao động được nâng lên, đóng góp quan trọng vào những thành tựu về kinh tế - xã hội Việt Nam đạt được trong thời gian qua.

Tuy nhiên, thị trường lao động nước ta phát triển chưa đủ mạnh để giải phóng mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, chưa tạo được nhiều việc làm theo hướng bền vững, mất cân đối cung - cầu lao động cục bộ giữa các vùng, khu vực, ngành nghề và nhân lực chất lượng chưa cao. Đặc biệt, đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp trong thời gian qua đã làm cho thị trường lao động bị ảnh hưởng nặng nề, hàng triệu lao động bị giảm giờ làm, giảm thu nhập, tạm dừng việc, mất việc làm, thất nghiệp; gần 2 triệu lao động rời khỏi thị trường lao động (phần lớn là lao động tự do, không có trình độ chuyên môn kỹ thuật); nhiều lao động di cư trở về quê, khiến quan hệ cung - cầu lao động bị ảnh hưởng tiêu cực; tình trạng khan hiếm lao động cục bộ ở một số ngành, lĩnh vực, địa bàn còn tồn tại; chưa có

giải pháp căn cơ lâu dài để khắc phục tình trạng mất cân đối cung - cầu lao động, khan hiếm lao động trình độ cao, vẫn tiềm ẩn nguy cơ đứt gãy chuỗi cung ứng, thiếu hụt lao động cục bộ cho giai đoạn phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; sự thiếu hụt các kỹ năng của người lao động để duy trì việc làm hoặc chuyển đổi nghề, thích ứng với tình hình sau đại dịch; thiếu cơ sở dữ liệu điện tử trong quản lý lao động, dự báo nhu cầu kỹ năng tương lai; giáo dục - đào tạo chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, ngành nghề mới, kỹ năng mới phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và quá trình dịch chuyển cơ cấu kinh tế, hội nhập quốc tế cũng như gắn kết cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam...

Cùng với thị trường hàng hoá - dịch vụ, tài chính, tiền tệ, khoa học - công nghệ và thị trường bất động sản, thị trường lao động được xác định là một thị trường trọng yếu của nền kinh tế và cần được đổi mới, đẩy mạnh phát triển trong giai đoạn hiện nay. Để xây dựng và phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập nhằm phục hồi nhanh kinh tế - xã hội, Chính phủ yêu cầu các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tiếp tục quán triệt thực hiện đồng bộ, thống nhất, kịp thời, hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau đây:

I. QUAN ĐIỂM

1. Quán triệt sâu sắc quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập tại các Văn kiện, Nghị quyết của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội; thực hiện phát triển thị trường lao động toàn diện, bền vững theo hướng hiện đại, hiệu quả phù hợp với đặc điểm của từng vùng, từng địa phương làm cơ sở, động lực phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; trong đó triển khai các giải pháp đột phá về phát triển nguồn nhân lực, đầu tư mạnh mẽ vào con người, trọng tâm là phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài, tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng, chủ động thích ứng với xu hướng già hóa dân số và sẵn sàng cho Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

2. Nhà nước giữ vai trò kiến tạo, quản lý và điều tiết phát triển thị trường lao động hiện đại, linh hoạt và hiệu quả; tạo điều kiện để dịch chuyển lao động từ khu vực có năng suất lao động thấp sang khu vực có năng suất lao động cao hơn, giảm rủi ro, chi phí di chuyển lao động.

3. Xây dựng chính sách việc làm gắn với quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng; phát triển việc làm bền vững, việc làm xanh gắn với quy hoạch kinh tế - xã hội và bố trí đầu tư; tăng cường các hình thức tín dụng để phát triển việc làm; quan tâm hỗ trợ đối tượng yếu thế tham gia vào thị trường lao động.

4. Phát triển nguồn nhân lực quốc gia đáp ứng quá trình công nghiệp hóa đất nước; đẩy mạnh việc đổi mới hình thức đào tạo, thu hút đầu tư trong và ngoài nước về đào tạo; có chính sách từng bước phổ cập nghề cho thanh niên; ưu tiên phân bổ

ngân sách cho giáo dục nghề nghiệp trong ngân sách giáo dục - đào tạo và trong các chương trình, dự án của ngành, địa phương; tăng cường xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp ở những địa bàn, ngành, nghề phù hợp.

5. Nhà nước tạo dựng cơ chế đảm bảo an sinh xã hội toàn diện, bao trùm để người lao động yên tâm làm việc, tăng thu nhập, bảo đảm cuộc sống. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý nguồn nhân lực và tổ chức vận hành các yếu tố của thị trường lao động để có sự đột phá trong công tác quản lý nhà nước và hoạt động của thị trường lao động.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Thị trường lao động phát triển linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập góp phần phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025. Trong đó, các yếu tố của thị trường lao động được phát triển đồng bộ và hiện đại; chất lượng nguồn nhân lực và hiệu quả tổ chức, vận hành thị trường lao động được nâng cao. Thị trường lao động đóng vai trò chủ động trong huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng hiện đại, đảm bảo kết nối thị trường lao động trong nước với thị trường lao động của các nước trong khu vực và trên thế giới.

2. Mục tiêu cụ thể

Phấn đấu đến năm 2025:

- a) Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội khoảng 25%.
- b) Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân trên 6,5%/năm.
- c) Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 30%; Đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho khoảng 25% lực lượng lao động.
- d) Chỉ số Lao động có kiến thức chuyên môn trong Chỉ số đổi mới, sáng tạo toàn cầu (GII) thuộc nhóm 60 nước đứng đầu.
- đ) Duy trì tỷ lệ thất nghiệp chung ở mức thấp dưới 3%, tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 4%; tỷ lệ thất nghiệp thanh niên thành thị ở mức thấp dưới 7%, tỷ lệ thiếu việc làm của thanh niên nông thôn dưới 6%.
- e) Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội đạt 45%, trong đó nông dân và lao động khu vực phi chính thức tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện chiếm khoảng 2,5% lực lượng lao động trong độ tuổi; 35% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp; chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người tham gia bảo hiểm xã hội đạt mức 85%.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện khung pháp lý, rà soát sửa đổi các quy định của pháp luật, đáp

ứng nhu cầu phát triển thị trường lao động đúng hướng, tập trung vào các lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm, bao gồm:

a) Tăng cường sự công khai, minh bạch của các chủ thể tham gia thị trường. Tiếp tục nội luật hóa và quy định cụ thể các tiêu chuẩn lao động phù hợp với điều kiện của Việt Nam và tiêu chuẩn quốc tế (các công ước của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới) mà Việt Nam cam kết và phê chuẩn. Thúc đẩy hợp tác quốc tế, tăng cường liên kết thị trường lao động trong và ngoài nước.

b) Nghiên cứu, đề xuất ban hành, sửa đổi các chính sách để hạn chế thất nghiệp, nâng cao chất lượng lao động, gồm: (i) bổ sung, hoàn thiện các chính sách mang tính chủ động, phòng ngừa thất nghiệp; (ii) chính sách hỗ trợ đào tạo nghề thông qua Thẻ học nghề cho người lao động; (iii) quy định các chuẩn chuyên môn và điều kiện đảm bảo triển khai hiệu quả hoạt động đào tạo nghề tại doanh nghiệp.

c) Quy hoạch, đầu tư phát triển hiện đại hệ thống trung tâm dịch vụ việc làm ở các địa phương đáp ứng yêu cầu phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiệu quả đóng vai trò đầu mối thông tin thị trường lao động, điều phối, hỗ trợ và quản trị thị trường lao động trên địa bàn. Sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp; xây dựng, đề xuất mô hình liên kết vùng trong đào tạo, cung ứng nguồn nhân lực; xây dựng các trung tâm vùng, trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao theo vùng kinh tế trọng điểm nhằm tăng cường hiệu quả đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực; đẩy mạnh chuyển đổi số trong đào tạo, cung ứng nguồn nhân lực, quản trị, vận hành thị trường lao động và tháo gỡ khó khăn để tạo điều kiện cho người lao động tiếp cận thông tin về thị trường lao động, tham gia học nghề và các hoạt động giao dịch việc làm, người sử dụng lao động dễ tiếp cận cung lao động.

d) Đa dạng hóa các loại hình đào tạo, chú trọng đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lực lượng lao động nhằm tạo chuyển biến trong xây dựng xã hội học tập; kịp thời tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi để các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chủ trì tổ chức giảng dạy chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông theo hướng đẩy mạnh phân luồng và bảo đảm quyền lợi của học sinh vừa được học nghề, vừa được học văn hóa ngay tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

đ) Tập trung đào tạo nghề, tạo việc làm để phát triển thị trường lao động ở nông thôn phục vụ quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo yêu cầu của Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Phục hồi và ổn định thị trường lao động

a) Bám sát thực tiễn, quản trị nguồn nhân lực chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ giữa các chính sách phát triển thị trường lao động với các thị trường khác để giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, trong đó có cung - cầu lao động.

b) Khẩn trương rà soát, đánh giá nhu cầu nhân lực theo từng ngành, lĩnh vực, từng vùng để kịp thời kết nối, cung ứng lao động. Đặc biệt là đánh giá nhu cầu nhân lực của các nhà đầu tư nước ngoài đã có dự án và đang nghiên cứu đầu tư vào Việt Nam.

c) Rà soát, đánh giá, sắp xếp tổ chức, đầu tư nâng cao năng lực của hệ thống cơ sở đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, nhất là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; các tổ chức đánh giá kỹ năng nghề. Phát triển các cơ sở đào tạo chất lượng cao; đầu tư nâng cấp 03 trường và bổ sung chức năng trung tâm chất lượng cao để hình thành 03 trung tâm quốc gia đào tạo, thực hành chất lượng cao tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh và các trung tâm đào tạo, thực hành vùng đóng vai trò hạt nhân và dẫn dắt trong việc tổ chức đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, các ngành nghề mới, kỹ năng tương lai, tổ chức đào tạo và nhân rộng các chương trình đào tạo chuyển giao từ các nước phát triển.

d) Tổ chức thực hiện các biện pháp để giải quyết tình trạng thiếu lao động cục bộ, mất cân đối cung - cầu lao động; phát triển các hình thức giao dịch việc làm theo hướng hiện đại trên nền tảng công nghệ số; thu hút lao động tại chỗ, đào tạo, đào tạo lại cho lực lượng lao động đang làm việc thích ứng với những biến động bất thường.

3. Thúc đẩy tạo việc làm bền vững và sử dụng hiệu quả lực lượng lao động.

a) Tăng cường đầu tư, phát triển các ngành kinh tế tạo nhiều việc làm bền vững

- Đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế gắn với phát triển bền vững theo hướng nâng cao chất lượng, tạo nhiều việc làm mới có năng suất, chất lượng cao.

- Tăng cường đầu tư nguồn lực cho các chương trình, đề án tạo nhiều việc làm bền vững, nhất là việc làm năng suất cao; nghiên cứu đề xuất các chính sách để hỗ trợ tuyển dụng và sử dụng các nhóm lao động đặc thù, lao động yếu thế, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo tham gia thị trường lao động, có việc làm bền vững. Kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để tăng hiệu quả đào tạo nghề, tạo việc làm cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ.

- Tăng cường các nguồn tín dụng để thúc đẩy tạo việc làm mới, sáng tạo, chất lượng cao, bền vững; việc làm xanh; việc làm cho đối tượng yếu thế, vùng sâu vùng xa, đồng bào dân tộc thiểu số; ưu tiên bố trí vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội có đủ nguồn lực triển khai có hiệu quả các chương trình tín dụng giải quyết việc làm, đào tạo nghề cho người lao động, góp phần phát triển thị trường lao động bền vững.

- Xây dựng bản đồ công nghiệp của Việt Nam để làm cơ sở xây dựng phương án cung ứng, phân bổ, sử dụng lao động trên toàn quốc, tận dụng hiệu quả nguồn lực lao động cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Có chính sách khuyến khích các cơ sở sản xuất kinh doanh, hộ gia đình đăng ký thành lập và hoạt động dưới hình thức doanh nghiệp để thu hút, sử dụng lao động chính thức, chuyển dần lao động phi chính thức sang lao động chính thức.

b) Tập trung thực hiện các giải pháp để phân luồng, nâng cao chất lượng nhân lực đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

- Khẩn trương triển khai các điều kiện đảm bảo hiệu quả việc phân luồng, liên thông trong hệ thống giáo dục quốc dân nhằm thúc đẩy xã hội học tập, học tập suốt đời trong cộng đồng.

- Đầu tư đồng bộ cơ sở vật chất, thiết bị và điều kiện bảo đảm chất lượng cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao, tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4 và G20. Thí điểm, triển khai một số mô hình đào tạo mới, nhất là đào tạo những ngành, nghề đáp ứng yêu cầu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; khắc phục khó khăn, vướng mắc, hoàn thành việc thí điểm đào tạo; đẩy mạnh nhân rộng các chương trình chuyển giao hiệu quả từ các nước phát triển; triển khai hiệu quả mô hình đào tạo tại doanh nghiệp. Tiếp tục đầu tư cho đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Xây dựng các chuẩn đào tạo để thống nhất sử dụng trong đào tạo và trong đánh giá, công nhận kỹ năng nghề cho người lao động; quy định cụ thể đối với các ngành nghề, vị trí việc làm phải sử dụng lao động qua đào tạo; xây dựng chính sách tuyển dụng, trả lương theo kỹ năng và năng lực hành nghề của người lao động; có chính sách tôn vinh người lao động có kỹ năng, tay nghề cao để thu hút, đào tạo nhân tài, nguồn nhân lực chất lượng cao tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

- Rà soát, sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại, dễ tiếp cận, đa dạng về loại hình, hình thức tổ chức, phân bổ hợp lý về cơ cấu ngành nghề, cơ cấu trình độ, cơ cấu vùng miền và liên kết vùng miền hiệu quả; xây dựng, đề xuất mô hình liên kết vùng trong đào tạo, cung ứng nguồn nhân lực; xây dựng các trung tâm vùng, trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao theo vùng kinh tế trọng điểm; sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của các bộ, ngành bảo đảm hiệu quả, nâng cao chất lượng giáo dục phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp; lựa chọn các ngành, nghề trọng điểm và trường được lựa chọn ngành nghề trọng điểm phù hợp với từng thời kỳ; đẩy mạnh chuyển đổi số trong hệ thống giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp nhằm triển khai các hoạt động đào tạo trên môi trường số, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và đa dạng hóa phương thức tổ chức quá trình dạy học.

c) Tổ chức đào tạo, cung ứng kịp thời nhân lực cho các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI), khắc phục tình trạng thiếu hụt lao động cục bộ.

- Nghiên cứu, rà soát, đánh giá năng lực hệ thống các cơ sở đào tạo, tổ chức

đánh giá kỹ năng nghề; tăng cường kết nối, trao đổi thông tin giữa các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp FDI và các cơ sở đào tạo để kịp thời triển khai các giải pháp đào tạo, nâng cao chất lượng, quy mô, cơ cấu ngành nghề, trình độ của lực lượng lao động, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp, đảm bảo cân bằng cung cầu của thị trường lao động nói chung.

- Tập trung tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong kết nối giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp; thí điểm mô hình đào tạo tại doanh nghiệp, trong khu công nghiệp bảo đảm phù hợp đối với đặc điểm, tính chất và điều kiện sản xuất – kinh doanh của các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp FDI và mô hình hội đồng kỹ năng nghề các cấp.

- Tập trung đào tạo nghề nghiệp cho người lao động cả trước – trong – sau quá trình tham gia thị trường lao động; cả về số lượng, chất lượng, cơ cấu ngành nghề, trình độ của lao động trong các doanh nghiệp, nhất là các ngành nghề khoa học - kỹ thuật - công nghệ và đào tạo các chuyên ngành mới trong chuyển đổi số như trí tuệ nhân tạo (AI), khoa học dữ liệu, dữ liệu lớn (Big Data), internet vạn vật (IoT), chuỗi khối (Blockchain),... Tổ chức thực hiện các giải pháp phù hợp để phân luồng học sinh, sinh viên, hướng tới phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao và cơ cấu phù hợp với nhu cầu của nền kinh tế.

- Nghiên cứu phát triển các chương trình đào tạo về tác phong, kỷ luật, tâm lý người lao động để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ nhu cầu của doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp FDI.

- Thiết lập mạng lưới thông tin của những người lao động đi làm việc ở nước ngoài trở về để thu hút vào làm việc cho các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam.

d) Đầu tư phát triển hệ thống kết nối cung – cầu lao động, công tác dự báo cung – cầu lao động và hệ thống thông tin thị trường lao động với nhiệm vụ trọng tâm là xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về lao động hiện đại, đồng bộ, có sự kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội.

- Thiết lập hệ thống thông tin và dự báo thị trường lao động đa tầng, đa lĩnh vực theo ngành nghề, cấp trình độ phục vụ người lao động, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, làm cơ sở cho việc xây dựng chính sách lao động - việc làm, giáo dục, đào tạo.

- Tổ chức triển khai xây dựng các sản phẩm dự báo nhu cầu sử dụng lao động, nhu cầu đào tạo về số lượng, cơ cấu ngành nghề, trình độ của lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, đặc biệt nhu cầu trong các ngành nghề khoa học - kỹ thuật - công nghệ, ngành nghề mới, các kỹ năng tương lai.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về người lao động, hệ thống quản trị thị trường lao động hiện đại, minh bạch có kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác để quản trị được tình trạng lao động, việc làm của người lao

động từ khi bắt đầu tham gia thị trường lao động, làm cơ sở xây dựng và tổ chức triển khai các chính sách về lao động, việc làm, an sinh xã hội.

đ) Hỗ trợ phát triển lưới an sinh và bảo hiểm cho người lao động

- Đa dạng hóa các gói dịch vụ an sinh xã hội cung cấp cho người lao động về hình thức, phương thức, mức đóng góp và mức hưởng thụ; đơn giản hóa thủ tục hành chính và xây dựng cơ chế cung cấp các hỗ trợ hành chính và pháp lý cần thiết cho người lao động tham gia các chương trình an sinh tự nguyện.

- Tổ chức cung cấp thông tin và dịch vụ tư vấn pháp lý cho người lao động khi tham gia thị trường lao động.

- Thúc đẩy và phát huy vai trò trung tâm của tổ chức Công đoàn Việt Nam trong thu hút người lao động và tổ chức của người lao động gia nhập Công đoàn Việt Nam, phát triển thành viên, nâng cao hiệu quả công tác đối thoại, thương lượng bảo vệ quyền lợi cho người lao động.

- Tổ chức thực hiện các giải pháp để thu hút, tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp,... cho người lao động; đổi mới chính sách bảo hiểm thất nghiệp theo hướng tăng cường đào tạo và đào tạo lại cho người lao động để tham gia hiệu quả vào thị trường lao động; đơn giản hóa thủ tục hành chính và xây dựng cơ chế cung cấp hỗ trợ hành chính và pháp lý cần thiết cho người lao động tham gia các chương trình an sinh tự nguyện.

- Nâng cao mức sống, cải thiện điều kiện làm việc, sinh hoạt của người lao động; đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động và bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người lao động; trước mắt tập trung phát triển nhà ở xã hội, nhà ở và hạ tầng xã hội khác cho người lao động, chính sách hỗ trợ tín dụng để giải quyết vấn đề về chỗ ở cho người lao động.

- Đẩy nhanh việc xây dựng, tích hợp hệ thống thông tin để xác định, định danh làm căn cứ hỗ trợ xã hội đối với người lao động thông qua xác định mã định danh công dân (thẻ Căn cước công dân).

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, chế tài xử lý đối với những hành vi vi phạm quy định pháp luật về lao động, đặc biệt về ký kết hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm xã hội và các chế độ an sinh xã hội khác cho người lao động.

4. Công tác truyền thông

- Nâng cao nhận thức, nhất là người đứng đầu một số cơ quan bộ, ngành, địa phương, đơn vị về vai trò, tầm quan trọng phát triển thị trường lao động; chủ động có giải pháp hiệu quả để đảm bảo và phát triển thị trường lao động bền vững.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền bài bản, kịp thời, liên tục, nâng cao nhận thức của người lao động, người sử dụng lao động và các chủ thể tham gia thị trường lao động; đảm bảo ổn định và phát triển thị trường lao động.

5. Kinh phí thực hiện

a) Thực hiện đa dạng nguồn vốn huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để triển khai thực hiện Nghị quyết, gồm:

- Từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách nhà nước.

- Kinh phí lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án, đề án liên quan khác.

- Đóng góp, hỗ trợ hợp pháp của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

- Nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

b) Các bộ, ngành và địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động bố trí kinh phí cho hoạt động phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập nhằm phục hồi nhanh kinh tế - xã hội.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Tập trung chỉ đạo rà soát, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến hỗ trợ phát triển thị trường lao động, giải quyết việc làm và phát triển nguồn nhân lực theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Thường xuyên đánh giá tình hình, kết quả thực hiện, chủ động giải quyết theo thẩm quyền các vấn đề phát sinh; báo cáo, tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, giải quyết vấn đề vượt thẩm quyền; đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp mới hiệu quả, khả thi bảo đảm phát triển thị trường lao động và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

b) Xây dựng và triển khai có hiệu quả các chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15; Quyết định số 176/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động đến năm 2030; Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 1446/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình đào tạo, đào tạo lại nâng cao kỹ năng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

c) Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo đặc biệt là hoạt động đào tạo nghề. Nâng cao hiệu quả đào tạo và tạo cơ hội tiếp cận giáo dục, đào tạo với

mọi người dân; gắn kết chặt chẽ đào tạo với thị trường lao động, việc làm bền vững và an sinh xã hội, phù hợp với các giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế. Các bộ, ngành rà soát, sắp xếp cơ sở giáo dục nghề nghiệp phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của bộ, ngành, đáp ứng đầy đủ điều kiện thành lập theo quy định và đảm bảo mức độ tự chủ về tài chính từ chi thường xuyên trở lên; phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để thực hiện sắp xếp, tổ chức lại cơ sở giáo dục nghề nghiệp bảo đảm phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

d) Bố trí kinh phí, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất cho việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao. Khuyến khích các địa phương bố trí và huy động các nguồn lực hợp pháp để thực hiện việc miễn học phí năm học 2022 - 2023 đối với học sinh, sinh viên đang theo học các ngành, nghề đào tạo đáp ứng nhu cầu nhân lực cho các ngành nghề bị tác động do dịch bệnh COVID-19 và phục hồi kinh tế - xã hội theo tinh thần Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

đ) Có chính sách hỗ trợ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào học các trình độ giáo dục nghề nghiệp (miễn học phí hoặc hỗ trợ học phí, chi phí học tập văn hóa phổ thông) phù hợp với điều kiện của địa phương và các quy định của pháp luật để góp phần thực hiện tốt Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14 tháng 5 năm 2018.

e) Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, rà soát để cắt giảm và đơn giản hóa các điều kiện kinh doanh tạo thuận lợi cho môi trường đầu tư kinh doanh, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Tiếp tục nghiên cứu, tổng kết đánh giá thực tiễn và tham mưu hoàn thiện chính sách pháp luật về lao động, việc làm, tiền lương, bảo hiểm xã hội, an toàn vệ sinh lao động, giáo dục nghề nghiệp. Tập trung xây dựng Dự án Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi) và Đề nghị xây dựng Luật Việc làm (sửa đổi) bảo đảm tiến độ, chất lượng.

b) Xây dựng mạng lưới thông tin và cơ sở dữ liệu thị trường lao động, nhu cầu kỹ năng tương lai; đầu tư nghiên cứu xây dựng, thường xuyên phân tích và công bố dự báo thị trường lao động theo ngành, nghề, vùng trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, làm cơ sở xây dựng và tổ chức triển khai kịp thời, hiệu quả các chính sách về lao động - việc làm, an sinh xã hội, cung cấp thông tin thị trường lao động cho người lao động, người sử dụng lao động, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu.

c) Khẩn trương tham mưu xây dựng Chỉ thị của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; đào tạo, đào tạo lại, nâng cao kỹ năng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; chủ động xây dựng các chương trình đào

tạo nhằm nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho lao động đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp, góp phần phục hồi và phát triển kinh tế sau đại dịch COVID-19. Nghiên cứu, đề xuất ban hành các chính sách để triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng lao động quy định tại Nghị quyết này.

d) Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển của các ngành, lĩnh vực; sắp xếp, tổ chức lại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc theo hướng tinh gọn, hiệu quả; hình thành cơ sở giáo dục nghề nghiệp có tính chất hạt nhân, dẫn dắt, lan tỏa và thống nhất đầu mối quản lý một số trường chất lượng cao, trường thực hiện chức năng trung tâm vùng, trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao. Thí điểm và triển khai hiệu quả mô hình đào tạo tại doanh nghiệp; chú trọng đào tạo lại, đào tạo thường xuyên để nâng cao trình độ kỹ năng nghề, duy trì việc làm cho người lao động.

đ) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương xây dựng Chương trình đầu tư công “Đầu tư đồng bộ cơ sở vật chất, thiết bị và điều kiện bảo đảm chất lượng cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao, tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4 và G20”.

e) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương lựa chọn các ngành, nghề trọng điểm và trường được lựa chọn ngành nghề trọng điểm phù hợp với từng thời kỳ; xây dựng mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho người dân tộc thiểu số và người khuyết tật.

g) Hoàn thành tổng kết, đánh giá Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01 tháng 6 năm 2012 của Ban chấp hành Trung ương khóa XI về một số vấn đề về chính sách an sinh xã hội để làm cơ sở tổ chức xây dựng, triển khai các chính sách an sinh xã hội cho người lao động.

h) Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số để tăng cường kết nối cung - cầu lao động qua nền tảng số.

i) Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách pháp luật về lao động, việc làm, tiền lương, bảo hiểm xã hội, an toàn vệ sinh lao động, giáo dục nghề nghiệp, đảm bảo quyền, lợi ích chính đáng của lao động.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức thực hiện phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông theo Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025”; chỉ đạo ngành giáo dục các cấp hướng dẫn các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chủ trì tổ chức giảng dạy chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông theo hướng đẩy mạnh phân luồng và đảm bảo quyền lợi của học sinh vừa được học nghề, vừa được học văn hóa ngay tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

b) Xây dựng và hoàn thiện chính sách đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong những ngành, lĩnh vực kinh tế mũi nhọn, tiệm cận trình độ khu vực và quốc tế.

c) Xây dựng hoàn thiện chính sách, giải pháp nâng cao kỹ năng của học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp đặc biệt là các kỹ năng đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu sử dụng nguồn nhân lực của thị trường lao động.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao nghiên cứu bảo đảm phù hợp và sử dụng tối đa các yếu tố thuận lợi của thị trường lao động trong quá trình xây dựng các quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch.

b) Chủ trì tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí vốn đầu tư thực hiện các Chương trình, dự án trong lĩnh vực lao động, việc làm, phát triển nguồn nhân lực theo quy định của Luật Đầu tư công.

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Khoa học và Công nghệ đẩy mạnh triển khai các hoạt động phát triển nguồn nhân lực phục vụ đổi mới sáng tạo và cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

d) Tổ chức phân tích, dự báo kinh tế - xã hội để làm cơ sở cho việc dự báo, chuẩn bị nhân lực đáp ứng yêu cầu cho phát triển kinh tế - xã hội.

5. Bộ Xây dựng

Chủ trì, phối hợp các bộ, ngành, cơ quan liên quan khẩn trương triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ nhà ở xã hội, nhà ở cho người lao động theo quy định tại Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình.

6. Bộ Tài chính

Chủ trì tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí chi thường xuyên cho các Bộ, cơ quan trung ương để thực hiện các Chương trình, dự án trong lĩnh vực lao động, việc làm, phát triển nguồn nhân lực theo quy định của pháp luật về phân cấp ngân sách nhà nước.

7. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn theo hướng tăng cường ứng dụng khoa học kỹ thuật, nông nghiệp xanh, nông nghiệp sạch.

b) Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng và tổ chức các chính sách, chương trình hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

c) Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo phát triển mô hình đào tạo nghề nông nghiệp kết hợp với học văn hóa trung

học phổ thông ngay tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, góp phần đẩy mạnh phân luồng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực nông nghiệp.

8. Bộ Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo các cơ quan báo chí và hệ thống thông tin cơ sở chủ động, kịp thời cung cấp thông tin về lao động, việc làm, giáo dục, đào tạo, tạo sự quan tâm, đồng thuận và huy động toàn xã hội tích cực tham gia công tác giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hỗ trợ phát triển thị trường lao động.

9. Ngân hàng Chính sách xã hội

Tiếp tục triển khai thực hiện các chương trình, chính sách tín dụng ưu đãi giải quyết việc làm, đào tạo nghề đối với người lao động và các đối tượng chính sách, góp phần giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động.

10. Đề nghị Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

a) Tiếp tục chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đoàn viên, người lao động, đặc biệt đoàn viên, người lao động có hoàn cảnh khó khăn vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo, dân tộc thiểu số.

b) Đẩy mạnh triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Đề án “Đầu tư xây dựng các thiết chế của công đoàn tại các khu công nghiệp, khu chế xuất” được phê duyệt tại Quyết định số 655/QĐ-TTg ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1729/QĐ-TTg ngày 04 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 655/QĐ-TTg ngày 12 tháng 5 năm 2017.

c) củng cố, phát triển hệ thống trung tâm tư vấn, hỗ trợ công nhân gắn với giới thiệu việc làm cho công nhân lao động; sắp xếp, nâng cao năng lực của hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam.

d) Tăng cường chỉ đạo các cấp công đoàn, nhất là công đoàn cơ sở trong doanh nghiệp nâng cao hiệu quả các hoạt động đối thoại, thương lượng, ký kết thỏa ước lao động tập thể.

đ) Xây dựng, triển khai hiệu quả phong trào thi đua học tập, rèn luyện nâng cao trình độ kỹ năng nghề, học tập suốt đời trong công nhân lao động.

11. Đề nghị Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

a) Chủ động tổng hợp các kiến nghị, khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp với Chính phủ, các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

b) Xây dựng chương trình, kế hoạch thông tin, tuyên truyền, vận động doanh nghiệp chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về lao động, việc làm; quan tâm đào tạo, đào tạo lại để nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động; tăng cường thương lượng, đối thoại giữa các bên trong quan hệ lao động.

12. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ chức năng, nhiệm vụ, chủ động nắm bắt diễn biến tình hình lao động, việc làm, chất lượng nhân lực thuộc phạm vi quản lý, kịp thời phối hợp với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành có liên quan để triển khai thực hiện các chính sách, giải pháp nhằm thúc đẩy thị trường lao động phát triển hiệu quả, bền vững và hội nhập.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc, tổng hợp báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Phạm Minh Chính